

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 03 - 4 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán:

ông Lê Nguyên Khoa

bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Phúc Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 ngày 11 năm 2022 về việc: “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phạm Văn D; cư trú tại: số C, tổ A, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* chị Phạm Kim T; cư trú tại: số I, tổ E, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* chị Phạm Kim T - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn D trình bày: anh và chị Phạm Kim T kết hôn vào năm 2014, có đăng

ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cự cãi nhau. Vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Kim T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Phạm Dung Gia N, sinh ngày 20/11/2014 và Phạm Gia M, sinh ngày 28/12/2017. Khi ly hôn anh D đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Kim T trình bày: chị thống nhất theo lời trình bày của anh D về việc kết hôn và con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, anh D không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Hai người đã ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Chị T không đồng ý ly hôn với anh D, chị yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc 02 con chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51 và khoản 1, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D.

Về quan hệ hôn nhân: cho anh Phạm Văn D được ly hôn với chị Phạm Kim T.

Về con chung: giao con chung tên Phạm Dung Gia N, sinh ngày 20/11/2014 và Phạm Gia M, sinh ngày 28/12/2017 cho chị Phạm Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn D không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, bị đơn chị Phạm Kim T kháng cáo yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng/người, thời gian cấp dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T. Do trước đây tại cấp sơ thẩm chị T không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, anh D cũng không đồng ý việc cấp dưỡng nuôi con, chị T kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh D và chị T kết hôn có đăng ký, do mâu thuẫn vợ chồng, cấp sơ thẩm đã xử cho ly hôn, về con chung giao cho chị T nuôi dưỡng 02 con, các phần này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Chị T kháng cáo yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng/người, thời gian cấp dưỡng từ khi tuyên án phúc thẩm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh D là nguyên đơn không có kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh.

[2] Nhận thấy tại cấp sơ thẩm chị T không đồng ý ly hôn với anh D, khi cấp sơ thẩm giải quyết cho anh D ly hôn và giao con cho chị T nuôi, phải xem xét hoàn cảnh của chị T và hỏi chị về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T trình bày nếu ly hôn chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 01 lần nhưng anh D không đồng ý. Trường hợp này khi giải quyết cho ly hôn và giao con cho chị T nuôi cấp sơ thẩm phải xem xét yêu cầu cấp dưỡng. Việc cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của chị T lại tuyên trong bản án anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và các con chưa thành niên.

Xét thấy do chị T trực tiếp nuôi 02 con chung là Phạm Dung Gia N, sinh ngày 20/11/2014 và Phạm Gia M, sinh ngày 28/12/2017, các cháu là trẻ em, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng phải căn cứ vào chi phí cho việc nuôi dưỡng và học tập của các cháu, mức sinh hoạt trung bình tại địa phương và điều kiện kinh tế của anh D. Nhận thấy điều kiện kinh tế của chị T hiện nay có khó khăn, thu nhập từ lương giáo viên tiểu học mỗi tháng 5.200.000 đồng,

nếu nuôi dưỡng 02 người con sẽ không bảo đảm quyền lợi cho các cháu. Tuy vậy anh D hiện nay đang đi làm thuê thu nhập không ổn định, ngày có việc làm thu nhập khoảng 300.000 đồng/ngày. Chị T xác định chi phí nuôi dưỡng 02 cháu ở mức trung bình, cháu lớn học lớp 3, cháu nhỏ học lớp lá, mỗi cháu 1 tháng 1.500.000 đồng. Việc chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, một tháng 745.000 đồng là mức thấp và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh D. Vì vậy yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa chị T yêu cầu thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm nên được ghi ghi nhận. Vì lợi ích của các con khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức đóng góp nuôi dưỡng con chung.

[3] Nhận thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Kim T và sửa Bản án sơ thẩm số 62/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: giao 02 người con chung tên Phạm Dung Gia N, sinh ngày 20/11/2014 và Phạm Gia M, sinh ngày 28/12/2017 cho chị Phạm Kim T nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho 01 người con, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/4/2023) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

2. Về án phí phúc thẩm: chị Phạm Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do chị T nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 12817 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được hoàn trả lại cho chị T.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDTXB: 01b;
- THADSTXB: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn